TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 723/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 364/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.Bà Nguyễn Thị Chí N - sinh ngày 05/9/1991

Căn cước công dân số 079191031*** do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 15/8/2021

Địa chỉ: 560/29 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.Ông Nguyễn Minh Bảo H – sinh ngày 04/10/1979

Căn cước công dân số 079079003*** do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 11/01/2022

Địa chỉ: 560/29 đường T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2010, quyển số 01/P13, ngày 28/01/2010 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, (nay là phường T) Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông H và bà N là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà N tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, trong quá trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vả, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 01/2021, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay hai bên

nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Hai bên khai có 03 con chung tên Nguyễn Minh Bảo H1 – sinh ngày 28/5/2010, Nguyễn Hoàng Quỳnh T – sinh ngày 21/7/2012, Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 14/4/2019, hai bên thỏa thuận cả 03 con chung sẽ do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi mỗi con chung lần lượt thành niên, phương thức cấp dưỡng do hai bên tự thực hiện, không yêu cầu lãi chậm cấp dưỡng. Sự thỏa thuận nêu trên là tự nguyện và phù hợp nên được Tòa án ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Chí N tự nguyện chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Chí N và ông Nguyễn Minh Bảo H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Minh Bảo H1 – sinh ngày 28/5/2010, Nguyễn Hoàng Quỳnh T – sinh ngày 21/7/2012, Nguyễn Hoàng L – sinh ngày 14/4/2019 cho ông Nguyễn Minh Bảo H trực tiếp nuôi dưỡng; bà Nguyễn Thị Chí N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 06/2026 cho đến khi mỗi con chung lần lượt thành niên, phương thức cấp dưỡng hai bên tự thực hiện.

Bà Nguyễn Thị Chí N được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên xác định không có.

- Về nợ chung: Hai bên xác định không có.

2.Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Chí N tự nguyện nộp, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng lệ phí mà bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020291 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV4-TPHCM;
- UBND p.Tân Bình, TPHCM;
- Phòng THADS KV4-TPHCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Phương